

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 16/01/2020

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N – TP CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Đặng Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**;
2. Bà **Hồ Thị Kim Luyến**;

Thư ký phiên toà: Ông **Huỳnh Minh Đức** - Thư ký Tòa án nhân dân quận N.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 617/2019/TLST–HNST ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “**Tranh chấp ly hôn**”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐST-HN ngày 07/01/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị Phương A**, sinh năm 1983.

ĐKTT: 44 V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: 14 Đ, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

*** Bị đơn:** Ông **Võ Minh T**, sinh năm 1983.

ĐKTT: 44 V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

(Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn – Bà Phương A trình bày:

Bà và ông T quen biết nhau sau đó tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định tại Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố Cần Thơ vào ngày 18/11/2005. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Do tình hình mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không có cách giải quyết nên bà đã dọn về nhà cha mẹ ruột ở riêng. Vợ chồng ly thân hơn 1 năm nay. Nay, nhận thấy không còn tình cảm với ông T nên bà có đơn yêu cầu được ly hôn với ông T

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Trần Minh H (nam), sinh ngày 01/02/2008 và Võ Trần Minh N (nam), sinh ngày 27/10/2012. Sau khi ly hôn, bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn – Ông Võ Minh T trình bày tại bản tự khai: Ông thống nhất với ý kiến của bà Phương A về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống. Ông xác định vợ chồng có mâu thuẫn như bà Phương A trình bày và hiện đã ly thân gần 01 năm nay. Nay bà Phương A có đơn xin ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Ông T xác định từ trước đến nay các con là do bà Phương A nuôi dưỡng, do vậy nay ông cũng thống nhất yêu cầu được tiếp tục nuôi con của bà Phương A.

Tài sản chung, nợ chung: Xác định không có.

Ông T có đơn xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết.

Tại phiên toà :

Bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày ở trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ông T đã đến Tòa án trình bày lời khai và có yêu cầu được giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông T là hoàn toàn phù hợp.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bà Phương A và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Quá trình hôn nhân qua trình bày của các bên cho thấy vợ chồng ông bà có sự bất đồng về quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn, cãi vã. Vợ chồng ly thân đã lâu và không tìm được biện pháp nào nhằm cải thiện tình trạng mâu thuẫn, xung đột. Nay bà Phương A có yêu cầu xin được ly hôn, ông T cũng thống nhất, điều này cho thấy hôn nhân của ông bà đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phương A, để cả hai có cuộc sống riêng là phù hợp.

[4] *Về con chung:* Cháu Võ Trần Minh H, sinh năm 2008 và cháu Võ Trần Minh N, sinh năm 2012 từ trước đến nay do bà Phương A trực tiếp nuôi dưỡng. Nay hai cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ, do vậy đây là căn cứ để tiếp tục giao cháu H và cháu N cho bà Phương A nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con các bên không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung:* Cả hai bên đều xác định không có nên không đặt ra xem xét. Khi có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà Phương A phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228 và 271 Bộ luật tố tụng dân sự

Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014

Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **Trần Thị Phương A** đối với ông **Võ Minh T.**

2/ *Về con chung*: Giao cháu Võ Trần Minh H, sinh năm 2008 và cháu Võ Trần Minh N, sinh năm 2012 cho bà Trần Thị Phương A trực tiếp nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con bà Phương A không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T theo luật định, không ai có quyền ngăn cản.

3/ *Tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét.

4/ *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Phương A phải chịu 300.000 đồng chuyển tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu số 001737 ngày 06/9/2019 thành án phí.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận NK;
- VKSND TPCT;
- TAND TPCT;
- THA;
- UBND phường A;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

ĐẶNG THỊ HUỆ